

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 8 - 2026

V/v: “Xác định cha cho con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thị Thuê và bà Lại Thị Hồng Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc “ Xác định cha cho con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/11/1996; Căn cước công dân số: 035196010754; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Quang T1, sinh ngày 05/11/1995; Căn cước công dân số: 035095001008; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 038092003347; nơi ĐKKHTT: Thôn V, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Y, tỉnh Bắc Ninh.

(Phiên tòa có mặt chị T, anh T1; vắng mặt anh M có lý do).

NHẬN THẤY

* Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau vào năm 2016, tuy nhiên do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh M sống ly thân nhau từ năm 2017, mỗi người một nơi, chị ở nhà bố mẹ đẻ tại N, Kim B còn anh M thì đi làm và sinh sống ở Bắc Ninh, không quan tâm đến nhau. Trong thời gian chị và anh M sống ly thân thì vào năm 2019 chị quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Phạm Quang T1 dẫn đến mang thai và chị đã sinh 01 con gái dự định đặt tên là Phạm Tuệ N, sinh ngày 25/12/2020 (theo giấy chứng sinh số 57 quyền số 01 ngày 27/12/2020 của Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Hà Nam cũ) và 01 con trai dự định đặt tên là Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/05/2022 (theo giấy chứng sinh số 229 quyền số 03 ngày 30/05/2022 tại Trung tâm Y tế huyện K, tỉnh Hà Nam cũ).

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể kéo dài nên anh M đã có đơn xin ly hôn chị gửi Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (cũ) để giải quyết. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 33/2023/QĐCNTTLH ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (cũ) giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị. Đến ngày 23/10/2025 thì chị và anh Phạm Quang T1 đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường N, tỉnh Ninh Bình.

Nay chị đề nghị Tòa án xác định cháu tên là Phạm Tuệ N, sinh ngày 25/12/2020 theo giấy chứng sinh số 57 quyển số 01 ngày 27/12/2020 của Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) và Kết luận phân tích ADN số 987.1.VE/25/ADN ngày 24/10/2025 cùng cháu là Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/5/2022 theo giấy chứng sinh số 229 quyển số 03 ngày 30/05/2022 tại Trung tâm Y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) và Kết luận phân tích ADN số 987.2.VE/25/ADN ngày 24/10/2025 là con đẻ của anh Phạm Quang T1, anh T1 là cha đẻ của cháu Phạm Tuệ N và cháu Phạm Tuấn K, đồng thời xác định cháu Tuệ N và cháu Tuấn K là con chung của chị và anh T1.

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Quang T1 trình bày:

Giữa anh và chị Nguyễn Thị T có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2019 và đã sinh được 02 con gồm cháu gái dự định đặt tên là Phạm Tuệ N, sinh ngày 25/12/2020 (theo giấy chứng sinh số 57 quyển số 01 ngày 27/12/2020) và cháu trai dự định đặt tên là Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/05/2022 (theo giấy chứng sinh số 229 quyển số 03 ngày 30/05/2022) tại Trung tâm Y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ). Thời điểm đó giữa chị T và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng, tuy nhiên chị T đang sống ly thân với anh M. Sau đó anh M và chị T đã ly hôn nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 33/2023/QĐCNTTLH ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ). Sau khi chị T ly hôn với anh M thì anh và chị T đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/10/2025 tại UBND phường N, tỉnh Ninh Bình.

Nay anh xác định anh là cha đẻ của cháu Phạm Tuệ N, sinh ngày 25/12/2020 theo giấy chứng sinh số 57 quyển số 01 ngày 27/12/2020 của Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) và cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/5/2022 theo giấy chứng sinh số 229 quyển số 03 ngày 30/05/2022 tại Trung tâm Y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ). Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị T, đề nghị Tòa án xác định cháu tên là Phạm Tuệ N, sinh ngày 25/12/2020 và cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/5/2022 là con đẻ của anh, anh là cha đẻ của cháu Phạm Tuệ N và cháu Phạm Tuấn K.

* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 27/7/2026 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T có tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh đã làm đơn xin ly hôn chị T và đã được Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (cũ) giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 33/2023/QĐCNTTLH ngày 05/9/2023. Anh xác định anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 01/6/2016, khi ly hôn thì anh chị thống nhất giao cháu cho chị T nuôi dưỡng. Anh xác định trong thời gian vợ chồng anh sống ly thân thì chị T đã có

quan hệ ngoại tình và có con riêng với người khác là cháu Phạm Tuệ N, sinh ngày 25/12/2020 và cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/5/2022, anh được biết cháu N và cháu K là con chung của chị T với anh Phạm Quang T1, không liên quan gì đến anh. Nay chị T khởi kiện đề nghị Tòa án xác định cháu Phạm Tuệ N và cháu Phạm Tuấn K là con chung của chị T và anh T1, xác định anh T1 là cha đẻ của cháu Tuệ N và Tuấn K, anh xác định sự việc không liên quan gì đến anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24/10/2025 Công ty Cổ phần C đã tiến hành phân tích ADN đối với ADN của anh Phạm Quang T1, sinh ngày 05/11/1995, số định danh các nhân 035095001008, nơi cấp Bộ Công an, ngày cấp 25/04/2025, ngày hết hạn 05/11/2035 với cháu Phạm Tuệ N, sinh ngày 25/12/2020, Giấy chứng sinh số 57, quyền số 1, nơi cấp Trung tâm y tế huyện K, ngày cấp 27/12/2020 và cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/5/2022, Giấy chứng sinh số 229, quyền số 03, nơi cấp Trung tâm y tế huyện K, ngày cấp 30/5/2022.

- Tại kết luận phân tích ADN số 987.1.VE/25/ADN ngày 24/10/2025 kết luận: “Anh Phạm Quang T1 và cháu Phạm Tuệ N có mối quan hệ huyết thống cha - con với xác suất 99.999999973538%”.

- Tại kết luận phân tích ADN số 987.2.VE/25/ADN ngày 24/10/2025 kết luận: “Anh Phạm Quang T1 và cháu Phạm Tuấn K có mối quan hệ huyết thống cha - con với xác suất 99.9999999781183%”.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thay đổi quan điểm, chị chỉ đề nghị Tòa án xác định cháu Tuệ N và cháu Tuấn K là con đẻ của anh Phạm Quang T1 và anh T1 là cha đẻ của cháu Tuệ N và cháu Tuấn K. Chị xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án xác định cháu Tuệ N và cháu Tuấn K là con chung của chị và anh T1 nữa.

- Bị đơn anh Phạm Quang T1 giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 88, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T:

+ Xác định anh Phạm Quang T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Ninh Bình là cha đẻ của cháu Phạm Tuệ N - sinh ngày 25/12/2020 (theo Giấy chứng sinh số 229, quyền số 03 ngày 27/12/2020) và cháu Phạm Tuấn

K - sinh ngày 19/5/2022 (theo Giấy chứng sinh số 57, quyển số 01 ngày 30/5/2022) tại Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ).

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xác định cháu Tuệ N và cháu Tuấn K là con chung của chị và anh Phạm Quang T1.

- Về án phí: Đương sự được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Quang T1 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án “Tranh chấp về xác định cha cho con” giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn M vắng mặt nhưng có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016. Trong quá trình chung sống thì hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M đã sống ly thân nhau từ năm 2017. Đến ngày 05/9/2023 chị T và anh M đã được Tòa án nhân huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 33/2023/QĐCNTTLH ngày 05/9/2023.

Trong thời gian chị T và anh M sống ly thân, từ năm 2019 chị T quen biết anh Phạm Quang T1 và có quan hệ tình cảm với anh T1 dẫn đến chị T có thai sinh ra 01 con gái dự định đặt tên là Phạm Tuệ N, sinh ngày 25/12/2020 (theo giấy chứng sinh số 57 quyển số 01 ngày 27/12/2020 của Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Hà Nam cũ) và 01 con trai dự định đặt tên là Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/05/2022 (theo giấy chứng sinh số 229 quyển số 03 ngày 30/05/2022 tại Trung tâm Y tế huyện K, tỉnh Hà Nam cũ), chị T xác định cháu Tuệ N và cháu Tuấn K là con của anh Phạm Quang T1; bản thân anh T1 cũng khẳng định cháu Tuệ N và Tuấn K là con của anh; quá trình làm việc anh M xác định thời điểm từ năm 2019 anh và chị T sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, anh M cũng xác định cháu Tuệ N và cháu Tuấn K không phải là con của anh với chị T mà là con của anh T1 với chị T. Tại kết luận phân tích ADN số 987.1.VE/25/ADN ngày 24/10/2025 kết luận: “Anh Phạm Quang T1 và cháu Phạm Tuệ N có mối quan hệ huyết thống cha - con với xác suất 99.999999973538%”; tại kết luận phân tích ADN số 987.2.VE/25/ADN ngày 24/10/2025 kết luận: “Anh Phạm Quang T1 và cháu Phạm Tuấn K có mối quan hệ huyết thống cha - con với xác suất 99.9999999781183%”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T là căn cứ chấp nhận, phù hợp với các bản kết luận giám định và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 88, các Điều 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án xác định cháu Phạm Tuệ N1 và cháu Phạm Tuấn K là con chung của chị và anh Phạm Quang T1. Tại phiên Tòa chị T rút yêu cầu, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Xét thấy chị T rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự được miễn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ vào các Điều 88, 89, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Xác định anh Phạm Quang T1, sinh ngày 05/11/1995; Căn cước công dân số: 035095001008; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Ninh Bình là cha đẻ của cháu Phạm Tuệ N (tên dự định đặt), sinh ngày 25/12/2020 theo giấy chứng sinh số 57 quyển số 01 ngày 27/12/2020 của Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) và cháu Phạm Tuấn K (tên dự định đặt), sinh ngày 19/5/2022 theo giấy chứng sinh số 229 quyển số 03 ngày 30/05/2022 của Trung tâm Y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ).

Xác định cháu Phạm Tuệ N (tên dự định đặt), sinh ngày 25/12/2020 theo giấy chứng sinh số 57 quyển số 01 ngày 27/12/2020 của Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) và cháu Phạm Tuấn K (tên dự định đặt), sinh ngày 19/5/2022 theo giấy chứng sinh số 229 quyển số 03 ngày 30/05/2022 của Trung tâm Y tế huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) là con đẻ của anh Phạm Quang T1, sinh ngày 05/11/1995; Căn cước công dân số: 035095001008; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Đinh chỉ đối với yêu cầu của chị T đề nghị xác định cháu Phạm Tuệ N (tên dự định đặt), sinh ngày 25/12/2020 và cháu Phạm Tuấn K (tên dự định đặt), sinh ngày 19/5/2022 là con chung của chị và anh Phạm Quang T1.

2/ Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T, anh T1 có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Kim Thanh, Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Ngân